Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ
Phần D: Kinh tế và Pháp luật
website: sj.ctu.edu.vn

DOI:10.22144/ctu.jvn.2020.105

VAI TRÒ CỦA CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ HỘ

Võ Hồng Tú* và Nguyễn Thùy Trang
Khoa Phát triển Nông thôn, Trường Đại học Cần Thơ
**Người chịu trách nhiệm về bài viết: Võ Hồng Tú (email: vhtu@ctu.edu.vn)*

Thông tin chung:
Ngày nhận bài: 13/04/2020
Ngày nhận bài sửa: 21/05/2020
Ngày duyệt đăng: 28/08/2020

Title:
Role of the new rural construction program in household economic development

Từ khóa:
Kinh tế hộ, nông thôn mới, phân tích điểm xu hướng, tác động

Keywords:
Households' economy, impact, new rural construction program, propensity score matching

ABSTRACT

New Rural Construction Program is a key national program with the goal of comprehensive development of rural areas. After 10 years of implementation, it is necessary to assess the impact of the program, especially on people in rural areas. Four hundred and fifty-eight households in Hau Giang province were interviewed with respect to the commune groups with different levels of completion of the program criteria. The research results show that the new rural construction program positively affects income and socio-economic life in the study sites. By using propensity score matching method with the nearest neighbor matching, the research results show that the total income of the household after the program increases to VND 56,246 million/year at a statistical significance of 10%. For the scope/radius matching comparison method, the study showed that the total household income increased to VND 20,662 million/year at the 1% significance level.

TÓM TẮT

Xây dựng nông thôn mới là chương trình trọng điểm cấp quốc gia với mục tiêu phát triển toàn diện khu vực nông thôn. Sau 10 năm triển khai thực hiện, việc đánh giá tác động của chương trình, đặc biệt là người dân khu vực nông thôn là rất cần thiết. Nghiên cứu đã thực hiện phỏng vấn 458 hộ ở địa bàn tỉnh Hậu Giang theo các nhóm xã có mức độ hoàn thành các tiêu chí khác nhau. Kết quả nghiên cứu cho thấy chương trình xây dựng nông thôn mới tác động tích cực đến thu nhập và đời sống kinh tế xã hội tại địa bàn nghiên cứu. Thông qua phương pháp phân tích điểm xu hướng với phương pháp so sánh cận gần nhất, kết quả phân tích cho thấy tổng thu nhập của hộ sau khi có chương trình xây dựng nông thôn mới tăng lên 56,246 triệu đồng/năm ở mức ý nghĩa thống kê 10%. Đối với phương pháp so sánh phạm vi/bán kính, nghiên cứu cho thấy tổng thu nhập của hộ tăng lên 20,662 triệu đồng/năm ở mức ý nghĩa 1%.

Trích dẫn: Võ Hồng Tú và Nguyễn Thùy Trang, 2020. Vai trò của chương trình xây dựng nông thôn mới trong phát triển kinh tế hộ. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 56(4D): 266-273.

1 GIỚI THIỆU

Ngày 16/04/2009 Thủ tướng Chính Phủ đã ban hành Quyết định 491/QĐ-TTg về bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới (NTM) với mục tiêu phát triển toàn diện bộ mặt của khu vực nông thôn từ hạ tầng kinh tế - xã hội đến hệ thống chính trị, quản lý và những hoạt động phát triển nâng cao thu

nhập gắn với duy trì bền vững môi trường cũng như giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống (Ban chấp hành Trung ương, 2008; Nguyễn Thùy Trang và Võ Hồng Tú, 2016). Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) là vùng kinh tế trọng điểm với nhiều lợi thế phát triển nông nghiệp nhưng nông dân, nông thôn vẫn còn gặp rất nhiều khó khăn, vì vậy chương trình xây dựng NTM là cơ hội tốt để nâng cao đời sống người dân và bộ mặt nông thôn (Nguyễn Duy Cần và *ctv*, 2012). Ở giai đoạn đầu chương trình đã đạt được những thành công đáng kể nhưng cũng còn nhiều bất cập, do chương trình tập trung nguồn lực vào đầu tư xây dựng cơ bản nên cơ sở hạ tầng tốt nhưng hoạt động sản xuất của người dân chưa mang lại hiệu quả cao, vì vậy người dân vẫn tìm việc làm ở các địa phương khác (Hoàng Hướng, 2016). Tại Đại hội lần thứ XII của Đảng vẫn tiếp tục khẳng định phát triển sản xuất nông nghiệp là then chốt, xây dựng NTM là căn bản và phấn đấu đến năm 2020 có 40-45% số xã đạt chuẩn NTM. Để thực hiện được mục tiêu đề ra cần phải có định hướng tái cơ cấu nông nghiệp, xây dựng NTM nhằm nâng cao thu nhập, cải thiện điều kiện sống cho người dân tại nông thôn, rà soát hoàn thiện cơ chế chính sách và tiêu chí xây dựng phù hợp với đặc thù từng vùng.

Hậu Giang là một trong những tỉnh trọng điểm của khu vực ĐBSCL, thực hiện thành công chương trình NTM, năm 2015 tỉnh có 01 đơn vị cấp Huyện đạt chuẩn. Đến năm 2019 tỉnh đã có 29/53 xã đạt chuẩn (chiếm hơn 50%) và không có xã nào đạt dưới 5 tiêu chí. Về đội ngũ cán bộ công chức và viên chức cũng được nâng cao trình độ đáng kể, kết quả đạt được là nhờ vào sự phối hợp chặc chẽ của đoàn thể các cấp. Tuy nhiên, cũng còn một số bất cập trong quá trình thực hiện từ một số cấp địa phương cơ sở, cán bộ chưa thực sự quan tâm sâu sắc vì chưa nhận thấy được sức mạnh cũng như những mặt tích cực mà chương trình mang lại.

Có thể thấy Hậu Giang là tỉnh đi đầu trong công tác xây dựng NTM nhưng còn rất ít nghiên cứu về tác động của chương trình đến kinh tế hộ. Vì vậy, việc tìm hiểu tác động của chương trình cũng như những thuận lợi và khó khăn là rất cần thiết nhằm phát huy kết quả đã đạt, tạo tiền đề để thúc đẩy tiến trình thực hiện cho những địa phương khác trong tỉnh và khu vực (Nguyễn Thùy Trang và Võ Hồng Tú, 2016).

Vì vậy đề tài được thực hiện nhằm đánh giá lại những tác động của chương trình. Từ đó, nghiên cứu góp phần đề xuất những giải pháp giúp người dân tham gia tích cực vào XDNTM và góp phần cải thiện thu nhập, nâng cao đời sống cũng như góp phần thúc đẩy chương trình xây dựng NTM thành công.

2 CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1 Cơ sở lý thuyết

Để đánh giá, so sánh lợi ích mà người dân thu được sau khi có chương trình NTM có thể được thực hiện thông qua thời gian hoặc không gian, trong nghiên cứu này do tất cả các xã đều tham gia vào chương trình xây dựng NTM nên nghiên cứu được thực hiện theo thời gian (hay còn gọi là so sánh trước sau) trên cùng một nhóm đối tượng. Phương pháp đánh giá tác động bằng phân tích điểm xu hướng (PSM) được đề xuất và phát triển đầu tiên bởi Rosenbaum and Rubin (1983), sau đó được bổ sung bởi Becker and Ichino (2002), Khandker *et al*. (2010).

Một số nghiên cứu liên quan đến phương pháp PSM như đánh giá tác động của việc tham gia vào hội phụ nữ đến thu nhập hộ tại tỉnh Hậu Giang (Nguyễn Thuỳ Trang, 2015); Đánh giá tác động của ứng dụng cơ giới hóa đến thu nhập nông hộ trồng mía tỉnh Hậu Giang (Võ Hồng Tú và *ctv*., 2019); Đánh giá kết quả học tập của sinh viên đi làm thêm và sinh viên không đi làm thêm ở các khoa trong Trường Đại học Cần Thơ (Vương Quốc Duy, 2016).

2.2 Phương pháp nghiên cứu

2.2.1 Phương pháp chọn vùng và mẫu nghiên cứu

Theo Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (2018), đến tháng 6/2018 toàn khu vực ĐBSCL có 1.288 xã thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (chiếm khoảng 14% tổng số xã của cả nước). Tính đến tháng 6/2018, ĐBSCL có 435 xã đạt 19/19 tiêu chí, 257 xã đạt trên 15 tiêu chí; và không còn xã đạt dưới 5 tiêu chí. Bộ NN&PTNT đánh giá, mức độ đạt tiêu chí NTM của khu vực ĐBSCL tính đến tháng 6/2018 là cao hơn bình quân chung của cả nước. Nhờ việc triển khai tích cực chương trình xây dựng NTM, thu nhập bình quân đầu người của vùng ĐBSCL tăng 10%. Tỉ lệ hộ nghèo giảm 10% năm 2012 xuống còn 6,5% năm 2015 và chỉ còn khoảng 6,2% năm 2017.

Hậu Giang là một trong những tỉnh trọng điểm của khu vực ĐBSCL, thực hiện thành công chương trình NTM, cụ thể là năm 2015 có 01 đơn vị cấp Huyện đạt chuẩn NTM và đến năm 2019 tỉnh đã có 29/53 xã đạt chuẩn (chiếm hơn 50%) và không có xã nào đạt dưới 5 tiêu chí. Do vậy, tỉnh Hậu Giang

được chọn làm trường hợp đại diện cho nghiên cứu này.

Trong tổng số 08 đơn vị hành chính tỉnh Hậu Giang, nhóm nghiên cứu chọn ra 07 huyện/thị/thành phố có mức độ hoàn thành chương trình xây dựng NTM khác nhau, đó là thành phố Ngã Bảy, huyện Phụng Hiệp, thị xã Long Mỹ, huyện Vị Thủy, huyện Châu Thành, Châu Thành A và huyện Long Mỹ. Nghiên cứu không thực hiện phỏng vấn ở thành phố Vị Thanh do có sự khác biệt lớn về xuất phát điểm trong quá trình xây dựng NTM như hạ tầng, đầu tư, thu nhập,... Tương ứng với mỗi huyện/thị xã, nghiên cứu tiến hành thảo luận với Văn phòng điều phối NTM tỉnh để chọn ra một xã có tính đại diện cao để hình thành được 3 nhóm xã có mức độ hoàn thành khác nhau để tiến hành so sánh. Cụ thể 3 nhóm xã có mức độ hoàn thành khác nhau được phân nhóm dựa vào số tiêu chí đã hoàn thành trong quá trình xây dựng NTM, trong đó nhóm tốt hoàn thành từ 17-19 tiêu chí, hoàn thành khá từ 12-16 và nhóm hoàn thành thấp dưới 11 tiêu chí.

Mẫu điều tra được thực hiện bằng phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên theo bước nhảy, số liệu sơ cấp được thu thập bằng cách phỏng vấn trực tiếp 458 nông hộ thuộc ba nhóm xã có mức độ hoàn thành tốt, khá, thấp trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Các nông hộ được lựa chọn phỏng vấn thông qua phương pháp bước nhảy 1 đơn vị, chọn một hộ sau đó bỏ một hộ và phỏng vấn hộ tiếp theo. Để đảm bảo tính đại diện cao, nghiên cứu đã chọn ra 3 tuyến đường có đặc điểm về kinh tế khác nhau theo sự hướng dẫn của cán bộ địa phương để tiến hành phỏng vấn.

Bảng 1: Địa bàn và cỡ mẫu nghiên cứu

Nhóm xã	Huyện	Xã	Số tiêu chí hoàn thành	Số hộ khảo sát
	Tx. Ngã Bảy	Đại Thành	19	41
Hoàn thành tốt	Châu Thành A	Trường Long Tây	19	50
(ghi tắt là tốt)	Châu Thành	Đông Phước A	16	53
Hoàn thành khá	Tx. Long Mỹ	Long Phú	13	79
(ghi tắt là khá)	Vị Thủy	Vĩnh Trung	10	77
Hoàn thành thấp	Phụng Hiệp	Hòa An	9	87
(ghi tắt là thấp)	Long Mỹ	Vĩnh Viễn A	8	71
Tổng số quan sát				458

Nguồn: Số liệu về tiêu chí hoàn thành của các xã tham khảo từ Văn phòng điều phối NTM Hậu Giang (2019)

2.2.2 Phương pháp phân tích số liệu

Phương pháp PSM của Becker and Ichino (2002) được áp dụng để đánh giá tác động của chương trình NTM mang lại được mô tả theo trình tự cụ thể các bước sau (Nguyễn Thùy Trang và *ctv.*, 2016).

Bước 1: Nhóm nghiên cứu tiến hành chọn 458 quan sát mẫu trước đây chưa có chương trình nhưng hiện tại đã có chương trình để bảo đảm tính tương đồng.

Bước 2: Từ số liệu của cuộc điều tra, xây dựng mô hình probit biến phụ thuộc (0: trước khi có chương trình NTM, 1: sau khi có chương trình NTM), biến độc lập là các yếu tố có thể ảnh hưởng đến khả năng tham gia vào chương trình. Bước này có vai trò quan trọng trong việc tìm ra giá trị dự đoán để tiến hành so sánh thu nhập giữa hai nhóm đối tượng có điều kiện tương đồng.

Bước 3: Mô hình hồi quy probit được sử dụng để phân tích, rồi tính giá trị xác suất dự đoán hay xác suất dự đoán (predicted propability) cho từng cá thể thuộc nhóm đối tượng ở giai đoạn trước và sau khi có chương trình NTM. Giá trị xác suất dự đoán được gọi là propensity score, giá trị nằm trong khoảng từ 0 đến 1.

Bước 4: Loại bỏ những cá thể có xác suất dự đoán quá thấp hoặc quá cao so với cả mẫu. Kiểm tra vùng lặp và vùng hỗ trợ chung.

Bước 5: Tương ứng với mỗi cá thể trong nhóm đối tượng trước khi có chương trình, tìm một hoặc một số cá thể trong nhóm đối tượng thuộc sau chương trình NTM mà có xác suất dự đoán gần giống nhau nhất rồi so sánh với nhau. Chẳng hạn, so sánh thu nhập của cá thể trong nhóm đối tượng thuộc giai đoạn trước khi có NTM với thu nhập bình quân của các cá thể nhóm đối tượng thuộc giai đoạn sau khi có chương trình NTM mà có xác suất dự đoán gần giống nhau nhất. Kết quả của những so sánh này là tác động của chương trình đối với mỗi cá thể, gọi là "individual gains".

Bước 6: Cuối cùng tính trung bình của tất cả "individual gains" để được giá trị trung bình chung của tổng thể, giá trị trung bình chung này là tác động

của chương trình xây dựng NTM đến thu nhập của người dân.

3 KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1 Nhận thức về tác động của các tiêu chí NTM đến đời sống người dân

Chương trình xây dựng nông thôn mới tác động đến đời sống của người dân được đo lường thông qua thang đo likert theo các mức độ từ thấp đến cao (1- rất không hài lòng…5-rất hài lòng). Kết quả nghiên cứu cho thấy chương trình tác động khá tích cực đến đời sống của người dân tại địa bàn nghiên cứu.

3.1.1 Tác động đến kinh tế xã hội

Trong phần này nghiên cứu muốn đề cập đến việc gia tăng thu nhập cho các nhóm ngành nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ cho các hộ dân thuộc ba nhóm xã. Trong đó, ở nhóm xã có mức hoàn thành tốt đánh giá lần lượt là 3,75; 2,78 và 3,02 điểm, ở nhóm xã có mức hoàn thành khá đánh giá lần lượt là là 3,57; 2,72; và 2,97 điểm, ở nhóm xã có mức hoàn thành thấp đánh giá lần lượt là 3,34; 2,42 và 2,55 điểm tương ứng (Bảng 2). Như vậy, có thể kết luận rằng nhóm xã hoàn thành tốt có nhận thức về tác động của chương trình NTM tốt hơn so với hai nhóm còn lại.

Bảng 2: NTM tác động đến phát triển kinh tế xã hội

Tiêu chí	Tốt		Khá		Thấp	
	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Trung bình	Độ lệch chuẩn
Góp phần gia tăng thu nhập cho nông nghiệp	3,75	1,03	3,57	1,03	3,34	0,98
Góp phần gia tăng thu nhập cho công nghiệp	2,78	1,41	2,72	1,35	2,42	1,20
Góp phần gia tăng thu nhập cho dịch vụ	3,02	1,37	2,97	1,30	2,55	1,28
Nhiều hộ nông dân tham gia tổ chức sản xuất	3,14	1,29	2,84	1,34	2,70	1,27
Buôn bán nông nghiệp được thuận tiện hơn	4,21	0,95	3,82	1,09	3,80	0,98
Tỷ lệ hộ nghèo được giảm đáng kể	4,08	0,91	3,72	0,92	3,53	1,02
Quan hệ họ hàng và hàng xóm được cải thiện	4,25	0,90	4,19	0,90	3,97	1,08
Dịch vụ y tế được cải thiện tốt hơn	3,66	1,12	3,81	0,97	3,51	1,05
Tỷ lệ học sinh đi học cao hơn do điều kiện đi lại tốt hơn	4,40	0,81	4,42	0,82	4,27	1,02

(Nguồn: Số liệu điều tra năm 2019, n=458)

Tỷ lệ hộ nghèo, dịch vụ y tế, học sinh đi học cao điều có dấu hiệu tốt hơn ở ba cả nhóm xã hoàn thành tốt, khá, thấp (lần lượt là 4,08; 3,72; và 3,53 điểm) (Cao Hoàng Thu Thảo, 2019). Nhờ vào việc địa phương mở các lớp học nghề gắn với thị trường lao động, giúp người dân có thể dễ dàng xin việc sau khi học nghề xong, thúc đẩy phát triển kinh tế tại địa bàn giúp giảm tỷ lệ hộ nghèo đáng kể. Dịch vụ y tế được cải thiện tốt hơn do cơ sở vật chất, trình độ chuyên môn của đội ngũ nhân viên y tế tại trạm y tế được cải thiện đáp ứng tốt nhu cầu khám, chữa bệnh.

3.1.2 Tác động đến môi trường và cảnh quan

Môi trường cảnh quan ở địa phương đẹp hơn do chính quyền địa phương thường xuyên vận động, kêu gọi người dân giữ gìn vệ sinh xung quanh nơi ở, cùng nhau tham gia tổng vệ sinh do địa phương tổ chức trong việc khai thông cống rãnh, dọn dẹp cỏ ven đường để trồng hoa trước nhà, trồng cây xanh nơi công cộng góp phần tạo cảnh quan ở địa phương. Rác thải được xử lý tốt hơn nên ít ô nhiễm vì dọc theo những tuyến đường nông thôn được bố trí thùng chứa rác và có xe rác đến thu gom định kỳ.

Bảng 3: NTM tác động đến môi trường

Tiêu chí	Tốt		Khá		Thấp	
	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Trung bình	Độ lệch chuẩn
Môi trường cảnh quan ở địa phương đẹp hơn	4,16	0,87	4,10	0,77	3,75	0,90
Rác thải được xử lý tốt hơn nên ít ô nhiễm hơn	3,28	1,23	3,23	1,30	3,18	1,35
Tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch cao hơn	3,42	1,57	3,40	1,50	2,18	1,38
Cơ sở sản xuất có gây ô nhiễm quan tâm hơn đến xử lý và bảo vệ môi trường	2,91	1,25	2,76	1,23	2,35	1,15
Nhà vệ sinh ao cá đã giảm đáng kể	3,95	1,07	3,61	1,19	3,23	1,22

(Nguồn: Số liệu điều tra năm 2019, n=458)

Tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch được đánh giá là cải thiện cao hơn ở ba nhóm xã hoàn thành tốt, khá, thấp với số điểm đánh giá lần lượt là 3,42; 3,4 và 2,18 điểm (Bảng 3). Khi có NTM, trạm cung cấp nước sạch được đầu tư xây dựng, nâng cao tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch lên rất nhiều, góp phần đảm bảo sức khỏe và nâng cao chất lượng cuộc sống người dân. Các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường quan tâm đến xử lý và bảo vệ môi trường hơn bằng hình thức thu gom rác thải, có hệ thống xử lý nước thải trước khi đưa ra ngoài. Nhà vệ sinh trên ao cá đã giảm đáng kể nhờ công tác tuyên truyền, vận động người dân xây nhà tiêu hợp vệ sinh từ chính quyền địa phương được đẩy mạnh góp phần bảo vệ môi trường ở ba nhóm xã được đánh giá lần lượt là 3,95; 3,61 và 3,23 điểm.

3.1.3 Tác động đến cơ sở hạ tầng nông thôn và sản xuất nông nghiệp

Bảng 4 cho thấy hệ thống giao thông bộ được nâng cấp, tu sửa tạo điều kiện thuận lợi trong sinh hoạt, giúp cho người dân đi lại dễ dàng. Vì hầu hết các con đường ở ấp, xã đều được bê tông hóa và con đường từ xã đến huyện đã được nhựa hóa.

Hệ thống kênh nội đồng và thủy lợi phục vụ cho sản xuất được xây dựng đồng bộ, hệ thống đê bao khép kín dẫn nước về tận dụng diện tích canh tác đã tạo điều kiện thuận lợi cho sản xuất và người dân hoàn toàn chủ động được mùa vụ nên năng suất nông nghiệp cũng tăng hơn nhiều. Nhiều khu vui chơi thể thao và chất lượng tốt hơn, tỷ lệ hộ có nhà ở tạm bợ giảm đáng kể hơn do chính quyền địa phương hỗ trợ xây dựng nhà tình thương cho hộ nghèo, hộ khó khăn, giúp người dân tiếp cận với các chính sách của Nhà nước để xóa nhà tạm, dột nát, cũng như sữa chữa nâng cấp các khu vui chơi tại địa phương. Các khu chợ được thành lập nên chất lượng được quản lý tốt hơn và đảm bảo vệ sinh thực phẩm tốt hơn ở ba nhóm xã được đánh giá lần lượt là 3,35; 3,49; và 3,18 điểm.

Bảng 4: NTM tác động đến cơ sở hạ tầng nông thôn và sản xuất nông nghiệp

Tiêu chí	Tốt		Khá		Thấp	
	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Trung bình	Độ lệch chuẩn
Hệ thống giao thông bộ được cải thiện	4,15	0,99	3,90	1,14	3,71	1,13
Hệ thống kênh nội đồng và thủy lợi tốt hơn	4,08	0,79	3,97	0,92	3,77	0,99
Năng suất sản xuất nông nghiệp tăng	3,76	0,96	3,64	1,11	3,61	0,91
Có nhiều khu vui chơi thể thao và chất lượng tốt hơn	2,63	1,23	2,22	1,38	2,08	1,15
Tỷ lệ hộ có nhà ở tạm bợ giảm đáng kể	3,95	0,92	3,72	0,90	3,44	1,01
Khu chợ được thành lập nên chất lượng và đảm bảo vệ sinh thực phẩm tốt hơn	3,35	1,22	3,49	1,01	3,18	1,08

(Nguồn: Số liệu điều tra năm 2019, n=458)

3.1.4 Tác động đến an ninh trật tự

An ninh trật tự xã hội được quản lý tốt hơn, lực lượng an ninh làm việc có hiệu quả hơn có mặt kịp thời giải quyết mâu thuẫn của người dân tránh xảy ra xung đột, công tác đấu tranh phòng chống tội phạm được tăng cường, kịp thời ngăn chặn các tệ nạn xã hội. Bênh cạnh đó, địa phương còn triển khai thực hiện các mô hình: tổ nhân dân tự quản kiểu mẫu, toàn dân đảm bảo an ninh trật tự,... đã và đang phát huy hiệu quả góp phần đảm bảo an ninh trật tự.

Sau khi có NTM, chính quyền địa phương đẩy mạnh công tác tuyên tuyền, vận động người dân tham gia phong trào đảm bảo an ninh nhờ đó các tệ nạn ở địa phương giảm đi rất nhiều được đánh giá lần lượt là 4,22; 4,05 và 3,95 điểm (Bảng 5).

Bảng 5: NTM tác động đến an ninh trật tự

Tiêu chí	Tốt		Trung bình		Thấp	
	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Trung bình	Độ lệch chuẩn
An ninh trật tự xã hội được quản lý tốt hơn	4,22	0,84	3,94	0,92	3,9	0,94
Ý thức cộng đồng về đảm bảo an ninh trật tự tốt hơn	4,22	0,83	4,05	0,7	3,95	0,89

(Nguồn: Số liệu điều tra năm 2019, n=458)

3.2 Mức độ tác động từ chương trình XDNTM đến kinh tế hộ

Nghiên cứu sử dụng công cụ Probit để tìm hiểu các yếu tố ảnh hưởng đến xác suất tham gia của người dân vào chương trình xây dựng NTM để làm cơ sở cho việc xác định tác động của chương trình đến thu nhập của người dân. Lưu ý: Đây chỉ là bước đệm để xác định các propensity score cho những hộ có cùng đặc điểm để tiến hành so sánh và hạn chế sai lệch vì xây dựng NTM người dân trong cùng một địa bàn, người dân không có quyền lựa chọn tham gia hay không giống như các trường hợp dự án. Các biến độc lập được sử dụng trong mô hình hồi quy được trình bày mô tả ở Bảng 6.

Bảng 6: Các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập người dân

Tên biến	Giải thích	Trước NTM		Sau NTM		Giá trị t
		Trung bình	Lệch chuẩn	Trung bình	Lệch chuẩn	
Trình độ học vấn của chủ hộ	Năm đi học	6,23	3,45	6,25	3,48	$-0,10^{ns}$
Thủy lợi	Từ 1 đến 10	4,25	1,05	6,48	2,21	$-19,40^{***}$
Tham gia tổ chức	Từ 1 đến 10	4,97	1,94	5,89	2,34	$-6,43^{***}$
Số hoạt động tạo thu nhập	Hoạt động	1,64	0,54	1,61	0,55	$0,66^{ns}$
Sự hỗ trợ của chính quyền	Từ 1 đến 10	4,36	1,52	6,68	2,47	$-17,1^{***}$
Tiếp cận vốn vay	Từ 1 đến 10	4,45	1,61	6,65	2,40	$-16,2^{***}$
Số người làm phi nông nghiệp	Số người	1,53	1,18	1,68	1,30	$-1,82^{**}$
Mối quan hệ xã hội	Từ 1 đến 10	4,33	1,24	6,11	2,40	$-14,03^{***}$
Diện tích đất sản xuất	Ha	0,69	1,11	0,66	0,82	$0,47^{ns}$

(Nguồn: Số liệu điều tra năm 2019, n=458)

Ghi chú: ** và *** thể hiện sự khác biệt ở mức 5% và 1%; ^{ns} thể hiện ảnh hưởng không có ý nghĩa

Bảng 6 cho thấy các biến độc lập (ngoại trừ các biến trình độ học vấn, số hoạt động tạo thu nhập, diện tích) được sử dụng trong mô hình Probit có thay đổi tích cực so với trước NTM ở mức 5% và 1%. Từ đó, có thể thực hiện phân tích hồi quy Probit về các yếu tố ảnh hưởng đến xác suất tham gia vào chương trình xây dựng NTM.

Bảng 7: Kết quả mô hình hồi quy Probit

Biến	Tên biến	Hệ số	Sai số chuẩn	Giá trị z	Mức ý nghĩa
X_1	Trình độ học vấn chủ hộ	-0,001	0,015	-0,09	0,926
X_2	Thủy lợi	**0,385**	0,040	9,57	**0,000**
X_3	Tham gia tổ chức	**-0,072**	0,030	-2,37	**0,018**
X_4	Số hoạt động tạo thu nhập	**-0,345**	0,101	-3,42	**0,001**
X_5	Sự hỗ trợ của chính quyền	**0,238**	0,032	7,40	**0,000**
X_6	Tiếp cận vốn vay	**0,125**	0,031	4,05	**0,000**
X_7	Số người làm phi nông nghiệp	**-0,148**	0,046	-3,18	**0,001**
X_8	Mối quan hệ xã hội	**0,213**	0,033	6,42	**0,000**
X_9	Diện tích đất sản xuất	-0,051	0,053	-0,96	0,337
	Hằng số	-3,733	0,305	-12,22	0,000
	LR χ^2 (9)		536,47		
	Prob > chi^2		0,000		
	Pseudo R^2		0,420		

(Nguồn: Số liệu điều tra năm 2019, n=458)

Kết quả hồi quy Probit (Bảng 7) cho thấy giá trị Pseudo R^2 = 0,42, LR chi^2 = 536,47, Prob > chi^2 = 0,000, hệ số tương quan cặp giữa các biến độc lập nhỏ hơn 0,6 nên không tồn tại mối quan hệ tuyến tính nào. Qua kết quả phân tích bảng 7 cho thấy, có 7 biến ảnh hưởng đến xác suất tham gia vào chương trình NTM của người dân, bao gồm thủy lợi; Tham gia tổ chức (X_3); Số hoạt động tạo thu nhập (X_4); Sự hỗ trợ của chính quyền (X_5); Tiếp cận vốn vay (X_6); Số người làm phi nông nghiệp (X_7); Mối quan hệ xã

hội (X_8). Mục tiêu của hồi quy là tìm các yếu tố ảnh hưởng đến xác suất dự đoán cho từng cá nhân trong nhóm trước và sau khi có chương trình NTM làm cơ sở cho thực hiện đánh giá tác động.

Áp dụng phương pháp PSM, các nhóm đối tượng thuộc giai đoạn trước và sau khi có NTM nằm trong vùng hỗ trợ chung sẽ được bắt cặp so sánh theo phương pháp so sánh cận gần nhất và phương pháp so sánh phạm vi/bán kính. Kết quả tác động của chương trình NTM đến tổng thu nhập của người dân được trình bày trong Bảng 8.

Bảng 8: Tác động của chương trình NTM đến tổng thu nhập của người dân

Phương pháp	Thu nhập thay đổi (triệu đồng/năm)	Sai số chuẩn	Giá trị t
So sánh cận gần nhất	56,246	37,069	1,517*
So sánh phạm vi/bán kính	20,662	8,646	2,390***

(Nguồn: Số liệu điều tra năm 2019, n=458)

*Ghi chú: * và *** thể hiện sự khác biệt ở mức 10% và 1%*

Đối với phương pháp so sánh cận gần nhất thì tổng thu nhập sau khi có chương trình NTM tăng thêm 56,246 triệu đồng/năm so với trước khi có chương trình NTM và có ý nghĩa ở mức 10%. Đối với phương pháp so sánh phạm vi/bán kính thì tổng thu nhập sau khi có chương trình NTM tăng thêm 20,662 triệu đồng/năm so với trước khi có chương trình NTM ở mức ý nghĩa 1%.

Qua đó cho thấy, sự khác biệt về thu nhập giữa trước và sau khi có chương trình NTM là do hệ thống giao thông bộ và thủy được đầu tư nâng cấp, tạo điều kiện cho các hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như các việc làm thuê dễ dàng hơn. Bên cạnh đó, người dân có thể tiếp cận được vốn vay phục vụ cho đầu tư sản xuất. Mối quan hệ xã hội được cải thiện nhờ vào các chương trình tập huấn, tuyên truyền về kinh tế tập thể, khuyến khích sự hợp tác và liên kết giữa các nông hộ.

Nghiên cứu còn đi sâu phân tích tác động của chương trình đối với từng lĩnh vực tạo thu nhập để thấy được khía cạnh tác động cụ thể.

Đối với thu nhập từ nông nghiệp: Thu nhập nông nghiệp bao gồm thu nhập từ các hoạt động sản xuất lúa, chăn nuôi, thủy sản và cây ăn trái.

Bảng 9: Tác động của chương trình NTM đến thu nhập từ nông nghiệp

Phương pháp	Thu nhập thay đổi (triệu đồng/năm)	Sai số chuẩn	Giá trị t
So sánh cận gần nhất	31,637	35,463	0,892 ns
So sánh phạm vi/bán kính	11,351	7,988	1,421*

(Nguồn: Số liệu điều tra năm 2019, n=458)

*Ghi chú: * thể hiện sự khác biệt ở mức 10%; ns thể hiện ảnh hưởng không có ý nghĩa*

Thu nhập nông nghiệp sau khi có chương trình NTM tăng thêm rõ rệt, đối với phương pháp so sánh cận gần nhất là 31,637 triệu đồng/năm nhưng sự khác biệt không có ý nghĩa thống kê; và phương pháp so sánh phạm vi/bán kính là 11,351 triệu đồng/năm so với trước khi có chương trình NTM ở mức ý nghĩa 10%.

Đối với lĩnh vực công nghiệp: Thu nhập công nghiệp bao gồm thu nhập từ các lĩnh vực phi nông nghiệp, kinh doanh, ...

Bảng 10: Tác động của chương trình NTM đến thu nhập công nghiệp

Phương pháp	Thu nhập thay đổi (triệu đồng/năm)	Sai số chuẩn	Giá trị t
So sánh cận gần nhất	22,156	26,537	0,835 ns
So sánh phạm vi/ bán kính	8,118	7,724	1,051 ns

(Nguồn: Số liệu điều tra năm 2019, n=458)

Ghi chú: ns thể hiện ảnh hưởng không có ý nghĩa

Đối với thu nhập công nghiệp sau khi có chương trình NTM cũng được tăng thêm, ở phương pháp so sánh cận gần nhất là 22,156 triệu đồng/năm và phương pháp so sánh phạm vi/bán kính là 8,118 đồng/năm so với trước khi có chương trình NTM tuy nhiên không có ý nghĩa ở mức 10%.

4 KẾT LUẬN

Chương trình XDNTM đã có những tác động tích cực đến phát triển kinh tế - xã hội, môi trường và an ninh, trật tự xã hội cho khu vực nông thôn. Nhìn chung, người dân ở nhóm xã có mức độ hoàn

thành tốt đánh giá cao hơn về tác động tích cực của chương trình XDNTM so với hai nhóm xã còn lại.

Qua kết quả đánh giá tác động của chương trình NTM đến thu nhập của người dân cho thấy, thông qua phương pháp PSM với phương pháp so sánh cận gần nhất thì tổng thu nhập của người dân sau khi có chương trình NTM tăng lên 56,246 triệu đồng/năm ở mức ý nghĩa 10%, với phương pháp so sánh phạm vi/bán kính thì tổng thu nhập của hộ sau khi có chương trình NTM tăng lên 20,662 triệu đồng/năm và có ý nghĩa ở mức 1%.

Với phương pháp so sánh cận gần nhất, thu nhập nông nghiệp sau khi có chương trình NTM tăng lên 31,637 triệu đồng/năm tuy nhiên không có ý nghĩa ở mức 10%, với phương pháp so sánh phạm vi/bán kính thì thu nhập nông nghiệp sau khi có chương trình NTM tăng lên 11,351 triệu đồng/năm và có ý nghĩa ở mức 10%. Đối với thu nhập từ lĩnh vực công nghiệp thì kết quả nghiên cứu cho thấy thu nhập từ hoạt động này nhìn chung có tăng hơn so với trước khi thực hiện chương trình XDNTM nhưng sự khác biệt không có ý nghĩa thống kê.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Ban chấp hành Trung ương, 2008. Nghị quyết 26/NQ-TW, ngày 5 tháng 8 năm 2008 về "Hội nghị lần thứ bảy ban chấp hành trung ương khoá x về nông nghiệp, nông dân, nông thôn". Ngày truy cập 14/12/2019. Địa chỉ: https://thuvienphapluat.vn.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, 2017. Thông tư số 05/2017/TT-BNNPTNT ngày 01/03/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020. Ngày truy cập 14/12/2019. Địa chỉ: http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=1&mode=detail&document_id=189600&category_id=0

Cao Hoàng Thu Thảo, 2019. Đánh giá mức độ hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Hậu Giang. Luận văn Cao học. Trường Đại học Cần Thơ. Thành phố Cần Thơ

Hoàng Hướng, 2016. Tác động đa chiều từ chương trình nông thôn mới. Ngày truy cập 15/12/2019. Địa chỉ: https://vovworld.vn/vi-VN/cau-chuyen-voi-nguoi-xa-que/tac-dong-da-chieu-tu-chuong-trinh-nong-thon-moi-511506.vov

Nguyễn Thùy Trang và Võ Hồng Tú, 2016. Nhận thức và sự sẵn lòng đóng góp của nông hộ cho chương trình xây dựng nông thôn mới tại tỉnh Hậu Giang. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 46c: 96-103.

Nguyễn Thùy Trang, Trương Thảo Nhi và Võ Hồng Tú, 2016. Đánh giá tác động của chương trình xây dựng nông thôn mới đến thu nhập của nông hộ tại tỉnh Hậu Giang. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 46 (2016): 116-121.

Thủ tướng chính phủ, 2009. Quyết định 491/QĐ-TTg, ngày 16/04/2009 về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới. Ngày truy cập 14/12/2019. Địa chỉ: http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal.

Văn phòng điều phối NTM tỉnh Hậu Giang, 2019. Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới Ước thực hiện 6 tháng đầu năm và phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2019. Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang.

Võ Hồng Tú, Nguyễn Thùy Trang và Phan Văn Hiệp, 2019. Đánh giá tác động của ứng dụng cơ giới hóa đến thu nhập nông hộ trồng mía tỉnh Hậu Giang. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 2D (2019): 150-156.

Vương Quốc Duy, 2016. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên đi làm thêm và sinh viên không đi làm thêm ở các khoa trong trường Đại học Cần Thơ. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 42(2016): 107-116.

Nguyễn Duy Cần, Trần Duy Phát, Phạm Văn Trọng Tính và Lê Sơn Trang, 2012. Đánh giá và huy động các nguồn lực của cộng đồng trong quá trình xây dựng nông thôn mới tại xã Vĩnh Viễn, Hậu Giang. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 24b: 199-209.